

THỦ TƯỚNG CHÍNH  
PHỦ  
Số: 271/2006/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
***Phê duyệt "Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể  
phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020"***

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 09 năm 2006 về lập, phê duyệt  
và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;  
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 6836/BKH-  
TĐ&GSĐT ngày 14 tháng 09 năm 2006 và của Ủy ban nhân dân thành phố Hải  
Phòng tại Tờ trình số 53/TT-UB ngày 23 tháng 12 năm 2005 về Đề án "Rà soát, điều  
chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng  
đến năm 2020".*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt "Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020" (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Quan điểm phát triển**

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020 phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước; bảo đảm

mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xoá đói, giảm nghèo và bảo đảm công bằng xã hội;

b) Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, phát huy lợi thế về vị trí địa kinh tế, tài nguyên nhiên nhiên và tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế gắn liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách hợp lý; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác chặt chẽ với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước, tạo thuận lợi cho các tỉnh phía Bắc phát triển kinh tế đối ngoại;

c) Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và bảo vệ các di sản văn hóa, cân bằng sinh thái, bảo đảm phát triển bền vững. Không làm tổn hại và suy thoái cảnh quan thiên nhiên;

d) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh.

## 2. Mục tiêu phát triển

### a) Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng thành phố Hải Phòng thành đô thị văn minh, hiện đại xứng đáng là một trung tâm đô thị cấp quốc gia, một cửa ngõ chính ra biển; trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, thuỷ sản của miền Bắc; có cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; cơ sở hạ tầng phát triển; bảo vệ môi trường; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và hiệu quả hơn thời kỳ trước; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, khai thác có hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại;

- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực; phát triển văn hoá, xã hội đồng bộ với tăng trưởng kinh tế; không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, từng bước xoá đói, giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm, giảm và tiến tới xoá bỏ các tệ nạn xã hội;

- Gắn phát triển nội thành với ngoại thành, có các bước đi thích hợp nhằm đưa thành phố Hải Phòng trở thành một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công

nghiệp hoá, hiện đại hoá và cùng với các cực tăng trưởng khác làm đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của cả vùng Bắc Bộ;

- Phát triển khoa học, công nghệ và có bước đi phù hợp trong việc kết hợp giữa cơ khí hoá, hiện đại hoá với ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học nhằm cải thiện đáng kể trình độ công nghệ trong nền kinh tế.

**b) Mục tiêu cụ thể**

- Phần đầu đưa tỷ trọng GDP Hải Phòng trong GDP cả nước đạt khoảng 4,5% năm 2010 và 7,3% năm 2020. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân từ 13 - 13,5% giai đoạn 2006 - 2010 và 13,5 - 14% giai đoạn 2011 - 2020, cao hơn mức tăng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ khoảng 1,3 lần; GDP bình quân đầu người (tính theo giá hiện hành) đạt 1.800 - 1.900 USD vào năm 2010 và 4.900 - 5.000 USD vào năm 2020. Phần đầu có cơ cấu kinh tế hiện đại với các sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh cao cả trong công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp.

Dự kiến tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm như sau:

| <b>Thời kỳ</b>                      | <b>Năm<br/>2006 - 2010</b> | <b>Năm<br/>2011 - 2020</b> |
|-------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| GDP                                 | 13,2%                      | 13,7%                      |
| Dịch vụ                             | 14,2%                      | 14,4%                      |
| Công nghiệp - xây dựng              | 14%                        | 14%                        |
| Nông - lâm nghiệp - thủy sản        | 5,4%                       | 6,4%                       |
| Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu GDP | Năm 2010                   | Năm 2020                   |
| Dịch vụ                             | 52 - 53%                   | 63 - 64%                   |
| Công nghiệp                         | 39 - 40%                   | 33 - 34%                   |
| Nông, lâm nghiệp, thủy sản          | 7 - 8%                     | 3 - 4%                     |

- Phần đầu giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 1,9 - 2,0 tỷ USD vào năm 2010 và khoảng 6 tỷ USD vào năm 2020.
- Hoàn thiện về cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, ngang tầm với các thành phố phát triển trong khu vực.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 1 - 1,1%/năm giai đoạn 2006 - 2020.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60 - 65% vào năm 2010 và 85 - 90% vào năm 2020. Giải quyết việc làm cho 225.000 lao động trong giai đoạn 2006 - 2010 và 500.000 lao động giai đoạn 2011 - 2020.
- Tỷ lệ dân số đô thị đạt 55 - 60% vào năm 2010 và 80 - 85% vào năm 2020.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn khoảng 5% vào năm 2010 (theo chuẩn mới).
- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm xuống còn dưới 5%, tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt 90% năm 2010 và tương ứng là 4% và 95% vào năm 2020.
- Đến năm 2010, phần đầu 90% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã và tới năm 2020, đạt tỷ lệ 100%.
- Phần đầu đạt 90% chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý hợp vệ sinh vào năm 2010 và 90 - 100% vào năm 2020.

### 3. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

#### a) Phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế

- Dịch vụ:
  - + Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 14 - 14,5% thời kỳ 2006 - 2010 và 14,4 - 15,0% thời kỳ 2011 - 2020; tỷ trọng dịch vụ trong GDP của thành phố đạt 52 - 53% vào năm 2010 và khoảng 63 - 64% vào năm 2020;
  - + Xác định dịch vụ biển, du lịch, thương mại là các ngành dịch vụ chủ lực, phát triển với tốc độ cao; đối với một số loại dịch vụ như đô thị, tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, tư vấn, y tế, giáo dục phát triển phục vụ cho cả các địa phương lân cận;
  - + Một số sản phẩm chủ lực như khối lượng hàng hoá qua cảng đạt từ 25 - 30 triệu tấn vào năm 2010 và 80 - 100 triệu tấn vào năm 2020; khối lượng hàng hoá vận tải biển đạt trên 20 triệu tấn vào năm 2010 và khoảng 55 triệu tấn vào năm 2020; đón

3.700 nghìn lượt khách du lịch vào năm 2010 (khách quốc tế là 1.200 nghìn lượt) và 6.900 nghìn lượt khách (khách quốc tế là 4.200 nghìn lượt) vào năm 2020; xuất khẩu 1,9 - 2 tỷ USD vào năm 2010 và 5,5 - 6 tỷ USD vào năm 2020 (xuất khẩu dịch vụ chiếm khoảng 6 - 10% tổng giá trị xuất khẩu);

+ Phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ hàng hải và vận tải biển lớn của Việt Nam; trung tâm thương mại, giao dịch ngoại thương, xúc tiến thị trường và vận động đầu tư lớn của vùng Bắc Bộ, cả nước và khu vực; trung tâm du lịch của vùng duyên hải Bắc Bộ; trung tâm giao dịch thông tin, bưu chính viễn thông và hội nghị quốc tế lớn thứ 3 của Việt Nam; trung tâm giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn của vùng Bắc Bộ (có trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng cho nhu cầu học của tầng lớp dân cư có thu nhập cao và cho sinh viên quốc tế); trung tâm y tế lớn của vùng duyên hải Bắc Bộ, nhằm giảm tải cho Hà Nội; trung tâm tài chính quốc gia và hướng tới trở thành một trung tâm tài chính quốc tế sau năm 2020.

- Công nghiệp - xây dựng:

+ Phát triển công nghiệp với tốc độ nhanh, có chất lượng cao và hiệu quả. Tốc độ tăng bình quân GDP công nghiệp - xây dựng thời kỳ 2006 - 2010 là 14% và tiếp tục duy trì mức tăng trưởng này trong thời kỳ 2011 - 2020. Đưa tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP lên 39 - 40% vào năm 2010 và 33 - 34% vào năm 2020;

+ Nâng dần vị thế của công nghiệp Hải Phòng trong công nghiệp của vùng Bắc Bộ và của ngành công nghiệp cả nước; phấn đấu đến sau năm 2015, một số phân ngành, sản phẩm công nghiệp của Hải Phòng có tầm ảnh hưởng lớn trong khu vực và thế giới. Chú trọng hợp tác với các địa phương trong nước và với quốc tế trong quá trình phát triển;

+ Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực đến năm 2010 là đóng tàu có tải trọng trên 80.000 tấn, xi măng, thép, thiết bị tin học, sản phẩm cơ khí và phụ tùng, linh kiện điện tử, động cơ nổ, động cơ điện, dệt may, da giày, thủy sản chế biến. Sau năm 2010, ngoài các sản phẩm trên sẽ sản xuất thêm các sản phẩm tự động hoá (thiết bị tự động, rôbot v.v...), vật liệu từ tính cao cấp, vật liệu kỹ thuật cao (cách nhiệt, chịu